

**HueWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ  
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**VLAT 1.0557  
ISO/IEC 17025:2017Website: [www.huewaco.com.vn](http://www.huewaco.com.vn)  
Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.HuếEmail: [info@huewaco.com.vn](mailto:info@huewaco.com.vn)  
Điện thoại: 0234.3815.555

Fax: 0234.3826.580

Ngày: 19/03/2026

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

- Tên mẫu:** NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY PHONG THU
- Vị trí lấy mẫu:** Bể chứa nước sạch
- Ngày lấy mẫu:** 17/03/2026
- Ngày nhận mẫu:** 17/03/2026
- Thời gian phân tích:** 17 - 19/03/2026
- Số lượng/Tình trạng mẫu:**  
Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);  
Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 125mL/mẫu (1 chai).
- Kết quả kiểm nghiệm:**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU        | ĐƠN VỊ        | PHƯƠNG PHÁP THỬ  | KẾT QUẢ              | QCVN 01-1:2024/BYT<br>QCĐP 01:2022/TT-H |
|-----|---------------------|---------------|------------------|----------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Coliform (*)        | CFU/<br>100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH<br>(LOD: 1)      | < 1                                     |
| 2   | E.coli (*)          |               |                  | KPH<br>(LOD: 1)      | < 1                                     |
| 3   | Clo dư tự do (*)    | mg/L          | PCL.HD01.15      | 0,6                  | 0,2 – 1,0                               |
| 4   | Độ đục (*)          | NTU           | PCL.HD01.01      | 0,08                 | ≤ 2                                     |
| 5   | Màu sắc             | TCU           | PCL.HD01.14      | KPH<br>(LOD: 5)      | ≤ 15                                    |
| 6   | Mùi                 | -             | TCVN 2653:1978   | Không có mùi lạ      | Không có mùi lạ                         |
| 7   | pH (*)              | -             | PCL.HD01.02      | 7,0                  | 6,0 – 8,5                               |
| 8   | Amoni (tính theo N) | mg/L          | TCVN 6179-1:1996 | <LOQ<br>(LOQ: 0,011) | ≤ 1                                     |
| 9   | Permanganat         | mg/L          | TCVN 6186:1996   | 0,32                 | ≤ 2                                     |

\* **Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

(\*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

\* **Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC****P.TỔNG GIÁM ĐỐC****Mai Xuân Tấn****Cao Huy Tường Minh**

**HueWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ  
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**VLAT 1.0557  
ISO/IEC 17025:2017Website: [www.huewaco.com.vn](http://www.huewaco.com.vn)Email: [info@huewaco.com.vn](mailto:info@huewaco.com.vn)

Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.Huế

Điện thoại: 0234.3815.555

Fax: 0234.3826.580

Ngày: 19/03/2026

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

- Tên mẫu:** NƯỚC SẠCH MẠNG CẤP NHÀ MÁY PHONG THU
- Vị trí lấy mẫu:** Hộ gia đình tại đường Vĩnh Xương, Phường Phong Thu, Thành phố Huế
- Ngày lấy mẫu:** 17/03/2026
- Ngày nhận mẫu:** 17/03/2026
- Thời gian phân tích:** 17 - 19/03/2026
- Số lượng/Tình trạng mẫu:**  
Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);  
Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 125mL/mẫu (1 chai).
- Kết quả kiểm nghiệm:**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU        | ĐƠN VỊ        | PHƯƠNG PHÁP THỬ  | KẾT QUẢ             | QCVN 01-1:2024/BYT<br>QCĐP 01:2022/TT-H |
|-----|---------------------|---------------|------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Coliform (*)        | CFU/<br>100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH<br>(LOD: 1)     | < 1                                     |
| 2   | E.coli (*)          |               |                  | KPH<br>(LOD: 1)     | < 1                                     |
| 3   | Clo dư tự do (*)    | mg/L          | PCL.HD01.15      | 0,5                 | 0,2 – 1,0                               |
| 4   | Độ đục (*)          | NTU           | PCL.HD01.01      | 0,13                | ≤ 2                                     |
| 5   | Màu sắc             | TCU           | PCL.HD01.14      | KPH<br>(LOD: 5)     | ≤ 15                                    |
| 6   | Mùi                 | -             | TCVN 2653:1978   | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ                         |
| 7   | pH (*)              | -             | PCL.HD01.02      | 7,0                 | 6,0 – 8,5                               |
| 8   | Amoni (tính theo N) | mg/L          | TCVN 6179-1:1996 | KPH<br>(LOD: 0,003) | ≤ 1                                     |
| 9   | Permanganat         | mg/L          | TCVN 6186:1996   | 0,35                | ≤ 2                                     |

\* **Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

(\*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

\* **Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC****P.TỔNG GIÁM ĐỐC****Mai Xuân Tấn****Cao Huy Tường Minh**

**HueWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ  
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**VLAT 1.0557  
ISO/IEC 17025:2017Website: [www.huewaco.com.vn](http://www.huewaco.com.vn)Email: [info@huewaco.com.vn](mailto:info@huewaco.com.vn)

Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.Huế

Điện thoại: 0234.3815.555

Fax: 0234.3826.580

Ngày: 19/03/2026

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

- Tên mẫu:** NƯỚC SẠCH MẠNG CẤP NHÀ MÁY PHONG THU
- Vị trí lấy mẫu:** Hộ gia đình tại Tỉnh lộ 9, Phường Phong Thái, Thành phố Huế
- Ngày lấy mẫu:** 17/03/2026
- Ngày nhận mẫu:** 17/03/2026
- Thời gian phân tích:** 17 - 19/03/2026
- Số lượng/Tình trạng mẫu:**  
Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);  
Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 125mL/mẫu (1 chai).
- Kết quả kiểm nghiệm:**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU        | ĐƠN VỊ        | PHƯƠNG PHÁP THỬ  | KẾT QUẢ             | QCVN<br>01-1:2024/BYT<br>QCĐP<br>01:2022/TT-H |
|-----|---------------------|---------------|------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| 1   | Coliform (*)        | CFU/<br>100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH<br>(LOD: 1)     | < 1                                           |
| 2   | E.coli (*)          |               |                  | KPH<br>(LOD: 1)     | < 1                                           |
| 3   | Clo dư tự do (*)    | mg/L          | PCL.HD01.15      | 0,5                 | 0,2 – 1,0                                     |
| 4   | Độ đục (*)          | NTU           | PCL.HD01.01      | 0,15                | ≤ 2                                           |
| 5   | Màu sắc             | TCU           | PCL.HD01.14      | KPH<br>(LOD: 5)     | ≤ 15                                          |
| 6   | Mùi                 | -             | TCVN 2653:1978   | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ                               |
| 7   | pH (*)              | -             | PCL.HD01.02      | 7,0                 | 6,0 – 8,5                                     |
| 8   | Amoni (tính theo N) | mg/L          | TCVN 6179-1:1996 | KPH<br>(LOD: 0,003) | ≤ 1                                           |
| 9   | Permanganat         | mg/L          | TCVN 6186:1996   | 0,35                | ≤ 2                                           |

\* **Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

(\*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

\* **Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC****P.TỔNG GIÁM ĐỐC****Mai Xuân Tấn****Cao Huy Tường Minh**

**HueWACO****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ  
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**VLAT 1.0557  
ISO/IEC 17025:2017Website: [www.huewaco.com.vn](http://www.huewaco.com.vn)Email: [info@huewaco.com.vn](mailto:info@huewaco.com.vn)

Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.Huế

Điện thoại: 0234.3815.555

Fax: 0234.3826.580

Ngày: 19/03/2026

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

- Tên mẫu:** NƯỚC SẠCH MẠNG CẤP NHÀ MÁY PHONG THU
- Vị trí lấy mẫu:** Hộ gia đình tại TDP Đông An, Phường Phong Thái, Thành phố Huế
- Ngày lấy mẫu:** 17/03/2026
- Ngày nhận mẫu:** 17/03/2026
- Thời gian phân tích:** 17 - 19/03/2026
- Số lượng/Tình trạng mẫu:**  
Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);  
Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 125mL/mẫu (1 chai).
- Kết quả kiểm nghiệm:**

| STT | TÊN CHỈ TIÊU        | ĐƠN VỊ        | PHƯƠNG PHÁP THỬ  | KẾT QUẢ             | QCVN 01-1:2024/BYT<br>QCĐP 01:2022/TT-H |
|-----|---------------------|---------------|------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Coliform (*)        | CFU/<br>100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH<br>(LOD: 1)     | < 1                                     |
| 2   | E.coli (*)          |               |                  | KPH<br>(LOD: 1)     | < 1                                     |
| 3   | Clo dư tự do (*)    | mg/L          | PCL.HD01.15      | 0,5                 | 0,2 – 1,0                               |
| 4   | Độ đục (*)          | NTU           | PCL.HD01.01      | 0,12                | ≤ 2                                     |
| 5   | Màu sắc             | TCU           | PCL.HD01.14      | KPH<br>(LOD: 5)     | ≤ 15                                    |
| 6   | Mùi                 | -             | TCVN 2653:1978   | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ                         |
| 7   | pH (*)              | -             | PCL.HD01.02      | 7,0                 | 6,0 – 8,5                               |
| 8   | Amoni (tính theo N) | mg/L          | TCVN 6179-1:1996 | KPH<br>(LOD: 0,003) | ≤ 1                                     |
| 9   | Permanganat         | mg/L          | TCVN 6186:1996   | 0,32                | ≤ 2                                     |

\* **Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

(\*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

\* **Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC****P. TỔNG GIÁM ĐỐC****Mai Xuân Tấn****Cao Huy Tường Minh**